**ÔN TẬP LỊCH SỬ 8**

**Câu 1:** Vì sao Thái Lan còn giữ được hình thức độc lập?

A. Nhà nước phong kiến rất mạnh.

B. Thái Lan được Mỹ giúp đỡ.

C. Thái Lan đã bước sang giai đoạn tư bản chủ nghĩa.

D. Chính sách ngoại giao khôn khéo.

**Câu 2:** Nét nổi bật về sự phân hóa xã hội ở In-đô-nê-xi-a cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là gì?

A. Sự hình thành giai cấp vô sản mới.

B. Sự hình thành hai giai cấp công nhân và tư sản.

C. Hình thành quý tộc và tư sản mại bản.

D. Sự đan xen tồn tại nhiều giai cấp tầng lớp trong xã hội.

**Câu 3:** Mục tiêu đấu tranh của phong trào Nghĩa Hòa đoàn Trung Quốc là gì?

A. Làm lung lay trật tự, nền tảng chế độ phong kiến Trung Quốc.

B. Mở đường cho trào lưu tư tưởng tiến bộ xâm nhập vào Trung Quốc.

C. Mâu thuẫn giữa các thế lực trong triều đình Mãn Thanh phát triển gay gắt.

D. Lôi kéo được đông đảo quần chúng tham gia, tạo nền tảng cho các cuộc cách mạng sau này.

**Câu 4:** Người đứng đầu cuộc vận động Duy tân năm 1898 là ai?

A. Khang Hữu Vi B. Vua Quang Tự

C. Tôn Trung Sơn D. Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi.

**Câu 5:** Phong trào Nghĩa Hòa đoàn bùng nổ ở đâu?

A. Vân Nam B. Vũ Xương C. Sơn Đông D. Bắc Kinh

**Câu 6:** Mở đầu cuộc cách mạng Tân Hợi (1911) là cuộc khởi nghĩa ở đâu?

A. Sơn Đông B. Nam Kinh C. Vũ Xương D. Bắc Kinh

**Câu 7:** Tại sao có rất nhiều nước cùng xâu xé, xâm lược Trung Quốc?

A. Vì triều đình phong kiến Mãn Thanh còn rất mạnh.

B. Vì Trung Quốc đất rộng, người đông.

C. Vì phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc chống phong kiến mạnh.

D. Vì triều đình phong kiến không chấp nhận con đường thỏa hiệp.

**Câu 8:** Mục đích của cuộc vận động Duy Tân (1898) ở Trung Quốc là gì?

A. Thay thế chế độ quân chủ chuyên chế bằng chế độ tư bản chủ nghĩa.

B. Thay thế chế độ quân chủ chuyên chế bằng chế độ quân chủ lập hiến.

C. Mở đường cho trào lưu tư tưởng tiến bộ ở Trung Quốc.

D. Phục hồi triều đình phong kiến Mãn Thanh.

**PHẦN II: Tự luận**

**Câu 1:** Lập niên biểu tóm tắt phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc chống đế quốc phong kiến từ năm 1840 đến năm 1911.

**ÔN TẬP ĐỊA LÝ 6**

**Câu 1:** Trái đất có dạng hình gì?

   **A.** Hình tròn **B.** Hình vuông **C.** Hình cầu   **D.** Hình bầu dục

**Câu 2:** Kinh tuyến đi qua đài thiên văn Grin-uýt ở ngoại ô thành phố Luân Đôn (nước Anh) gọi là

   **A.** Kinh tuyến Đông. **B.** Kinh tuyến Tây. **C.** Kinh tuyến 180o. **D.** Kinh tuyến gốc.

**Câu 3:** Trong hệ Mặt Trời, Trái Đất ở vị trí nào theo thứ tự xa dần Mặt Trời?

   **A.** Vị trí thứ 3  **B.** Vị trí thứ 5 **C.** Vị trí thứ 9 **D.** Vị trí thứ 7

**Câu 4:** Các đường nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu là những đường:

   **A.** Kinh tuyến. **B.** Kinh tuyến gốc. **C.** Vĩ tuyến. **D.** Vĩ tuyến gốc.

**Câu 5:** Vành đai lửa lớn nhất hiện nay trên thế giới với gần 300 núi lửa còn hoạt động là

   **A.** vành đai lửa Địa Trung Hải. **B.** vành đai lửa Ấn Độ Dương,

   **C.** vành đai lửa Đại Tây Dương. **D.** vành đai lửa Thái Bình Dương.

**Câu 6:** Ý nào sau đây không đúng với tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất?

   **A.** Các lớp đá bị uốn nếp hay đứt gãy. **B.** Làm cho địa hình nâng lên hay hạ xuống.

   **C.** Xâm thực, xói mòn các loại đá. **D.** Gây ra hiện tượng động đất, núi lửa.

**Câu 7:** Mối quan hệ giữa nội lực và ngoại lực là

   **A.** Đối nghịch.   **B.** Hỗ trợ. **C.** Lần lượt.  **D.** Không có liên hệ.

**Câu 8:** Quá trình nào sau đây không phải là quá trình ngoại lực?

   **A.** Xói mòn. **B.** Xâm thực. **C.** Nâng lên hạ xuống. **D.** Phong hoá.

**PHẦN II: Tự luận**

**Câu 1:** Hãy cho biết các đường nối liền hai điểm cực Bắc và cực Nam trên bề mặt quả Địa Cầu là những đường gì? Những vòng tròn trên quả Địa Cầu vuông góc với các kinh tuyến là những đường gì?

**Câu 2:** Tại sao người ta lại nói rằng: nội lực và ngoại lực là hai lực đối nghịch nhau?

**Câu 3:** Con người đã có những biện pháp gì để hạn chế bớt những thiệt hại do động đất gây ra?

**ÔN TẬP ĐỊA LÝ 7**

***Địa lí 7:***

Câu 1: Trình bày sự phân bố dân cư Bắc Mĩ? Giải thích vì sao dân cư tập trung không đều ở Bắc Mĩ?

Câu 2: HS đọc mục 1 Bài Kinh tế Bắc Mĩ:

Những điều kiện nào làm cho nền nông nghiệp Hoa Kì và Ca-na-đa phát triển đến trình độ cao?

**ÔN TẬP ĐỊA LÝ 8**

**Câu 1:** Đông Nam Á gồm mấy bộ phận

   A. 1       B. 2 C. 3       D. 4

**Câu 2:** Đông Nam Á là cầu nối của hai đại dương nào

   A. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

   B. Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.

   C. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

   D. Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương.

**Câu 3:** Đông Nam Á chủ yếu nằm trong kiểu khí hậu nào

   A. Khí hậu gió mùa B. Khí hậu cận nhiệt địa trung hải

   C. Khí hậu lục địa D. Khí hậu núi cao

**Câu 4:** Phần đất liền Đông Nam Á có tên là

   A. Bán đảo Ấn Độ B. Đông Dương C. Bán đảo Trung Ấn D. Mã-lai

**Câu 5:** Đông Nam Á là cầu nối của hai châu lục nào

   A. Châu Á và châu Phi. B. Châu Á và châu Âu.

   C. Châu Á và châu Mĩ. D. Châu Á và Châu Đại Dương.

**Câu 6:** Nguyên nhân chủ yếu nào làm cho các nước Đông Nam Á không bị khô hạn như những vùng có cùng vĩ độ ở châu Phi và Tây Nam Á:

   A. địa hình B. gió mùa C. giáp biển D. dòng biển

**Câu 7:** Cảnh quan chủ yếu của Đông Nam Á:

   A. Rừng nhiệt đới ẩm thường xanh B. Rừng là kim

   C. Xavan cây bụi D. Hoang mạc và bán hoang mạc

**PHẦN II: Tự luận**

**Câu 1:** Vì sao cảnh quan rừng nhiệt đới ẩm chiếm diện tích lớn ở Đông Nam Á?

**Câu 2:** Nêu đặc điểm gió mùa hạ, mùa đông. Vì sao chúng ta lại có đặc điểm khác như vậy?

***Địa lí 9:***

**Câu 1**: Dựa vào bảng số liệu dưới đây:

Cơ cấu kinh tế của Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2002(%)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Nông,lâm,ngư nghiệp** | **Công nghiệp-xây dựng** | **Dịch vụ** |
| 100,0 | 1,7 | 46,7 | 51,6 |

Vẽ biểu đồ tròn thể hiện cơ cấu kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và nêu nhận xét.

**Câu 2**: Dựa vào bảng số liệu dưới đây:

Diện tích, dân số, GDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và ba vùng kinh tế trọng điểm của cả nước, năm 2002

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí****Vùng** | **Diện tích****(Nghìn km2 )** | **Dân số****(Triệu người)** | **GDP****(Nghìn tỉ đồng)** |
| Vùng KT trọng điểm phía Nam | 28,0 | 12,3 | 188,1 |
| Ba vùng KT trọng điểm | 71,2 | 31,3 | 289,5 |

Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ trọng diện tích, dân số, GDP của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong ba vùng kinh tế trọng điểm của cả nước năm 2002 và rút ra nhận xét.